

Số: /QĐ-UBND

Cà Mau, ngày tháng 4 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024 được sửa đổi, bổ sung ngày 11/12/2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 02191/QĐ-UBND ngày 21/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 715/QĐ-UBND ngày 09/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 256/BC-SXD ngày 02/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Cà Mau (kèm theo Tờ trình số 11/TTr-VQG ngày 02/4/2026 của Vườn quốc gia U Minh Hạ) và báo cáo tổng hợp ý kiến thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 1698/VP-NNXD ngày 21/4/2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000, với những nội dung chủ yếu như sau:

## **1. Phạm vi, ranh giới, quy mô lập quy hoạch**

### **1.1. Phạm vi nghiên cứu**

Toàn bộ diện tích Vườn Quốc gia U Minh Hạ 8.527,8 ha. Trong đó quy hoạch phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí đến năm 2030 là 1.318,5 ha, cụ thể:

- Tại xã Đá Bạc, diện tích: 302,3 ha.
- Tại xã Khánh An, diện tích: 1.016,2 ha.

### **1.2. Ranh giới**

Phạm vi ranh giới lập đề án quy hoạch thuộc phân khu dịch vụ hành chính nằm trên địa bàn xã Đá Bạc và xã Khánh An, tỉnh Cà Mau, gồm các phân khu:

- Phân khu I: Thuộc tiểu khu 5, phân khu dịch vụ hành chính, có ranh giới: phía Bắc giáp tuyến T<sub>1200</sub>; phía Đông giáp tuyến trung tâm; phía Tây Nam giáp hậu đội III, ấp Vô Dơi, xã Đá Bạc (tuyến T<sub>500</sub>).

- Phân khu II: Thuộc tiểu khu 6, phân khu dịch vụ hành chính, có ranh giới: phía Bắc giáp tuyến T<sub>1200</sub>; phía Đông giáp hậu đội I T<sub>19</sub>, ấp Vô Dơi, xã Đá Bạc; phía Tây giáp tuyến trung tâm; phía Nam giáp hậu đội II ấp Vô Dơi, xã Đá Bạc (tuyến T<sub>600</sub>).

- Phân khu III: Các khu đất thuộc khoảnh 3, 6 tiểu khu 76 và tiểu khu 77, khu dịch vụ hành chính, có ranh giới: phía Bắc giáp kênh T<sub>23</sub>; phía Đông giáp tuyến T<sub>100</sub>; phía Tây giáp tuyến T<sub>98</sub>; phía Nam giáp kênh T<sub>21</sub>).

**1.3. Diện tích:** 199,50 ha.

## **2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch**

Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và giải trí ở Vườn quốc gia U Minh Hạ một cách bền vững gắn với việc bảo tồn, phát triển hệ sinh thái rừng tràm và đa dạng sinh học của vùng đất U Minh Hạ; giữ gìn cảnh quan, bảo vệ môi trường; đảm bảo hài hòa tương tác giữa khai thác, phát triển du lịch với bảo vệ giá trị tài nguyên thiên nhiên, cụ thể:

- Đánh giá hiện trạng tài nguyên du lịch tự nhiên và văn hóa, danh thắng và di tích lịch sử để phát triển các loại hình, sản phẩm du lịch phù hợp trong Vườn Quốc gia U Minh Hạ.

- Định hướng lập các dự án đầu tư du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí, lịch sử trong Vườn Quốc gia U Minh Hạ; lập danh mục dự án ưu tiên đầu tư, xác định lộ trình đầu tư các dự án và giải pháp kêu gọi thu hút vốn đầu tư để thực hiện đề án, quy hoạch.

- Xây dựng các tuyến, điểm du lịch sinh thái, lịch sử phù hợp với tiềm năng sẵn có và đáp ứng được nhu cầu của du khách; đa dạng hóa các sản phẩm du lịch và các tuyến, điểm du lịch; xây dựng các công trình kiến trúc, hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch; lập phương án, giải pháp quảng bá du lịch, phát triển nguồn nhân lực và đầu tư hạ tầng du lịch.

- Đảm bảo việc khai thác tài nguyên cho phát triển du lịch sinh thái được quản lý theo phương thức chuyên nghiệp, hiện đại, có trọng tâm, trọng điểm để phát triển

theo chiều sâu, đảm bảo chất lượng và hiệu quả, bảo tồn bản sắc văn hóa địa phương, bảo vệ môi trường, khẳng định thương hiệu và khả năng cạnh tranh.

- Phát triển du lịch sinh thái ở khu vực Vườn Quốc gia U Minh Hạ nhằm góp phần phát triển kinh tế địa phương, tạo sinh kế thông qua việc khai thác cơ hội từ hoạt động du lịch sinh thái cho cư dân địa phương; đồng thời, tạo điều kiện để cộng đồng địa phương tham gia các loại hình du lịch, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần; nâng cao ý thức quản lý bảo vệ rừng, môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học.

### **3. Tính chất, chức năng, vai trò**

- Là khu chức năng định hướng phát triển về du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí gắn với văn hóa, lịch sử thuộc Vườn Quốc gia U Minh Hạ.
- Là khu chức năng đa dạng các sản phẩm du lịch, được đầu tư đồng bộ về cơ sở hạ tầng gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường rừng tự nhiên của tỉnh.

### **4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch**

#### **4.1. Dân số**

Quy mô dân số bao gồm khách du lịch và người lao động. Lượng khách du lịch dự báo đến năm 2030 thu hút ít nhất 309.215 lượt khách; trong đó số lượng khách quốc tế tối thiểu chiếm 8% tổng số du khách, tỷ lệ du khách ở lại lưu trú qua đêm chiếm 28% tổng số du khách; dự báo lượng khách du lịch đến tham quan nghỉ dưỡng và sử dụng các dịch vụ khoảng 800 - 1.000 lượt khách/ngày, trong đó:

- Khách du lịch lưu trú: 250 - 300 lượt khách/ngày.
- Khách du lịch trong ngày: 550 - 600 lượt khách/ngày.
- Người lao động: 100 người.

#### **4.2. Chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc**

Áp dụng QCVN 01:2021/BXD ban hành kèm Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng, các chỉ tiêu của khu du lịch được áp dụng như sau:

- Mật độ xây dựng gộp tối đa của khu du lịch, nghỉ dưỡng tổng hợp là 25%.
- Cây xanh trong khu du lịch: Tùy theo tính chất, chức năng của từng khu chức năng thiết kế cho phù hợp.
- Tầng cao công trình: Tối đa 12m.
- Khoảng lùi: Xác định cụ thể theo phương án quy hoạch.

#### **4.3. Chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật**

4.3.1. Giao thông: Được thiết kế riêng cho từng dự án nhưng phải đảm bảo theo QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và QCVN 07-4:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông.

#### **4.3.2. Cấp điện**

- Đảm bảo nhu cầu cấp điện sinh hoạt cho khu du lịch và các công trình, đảm

bảo tiêu chuẩn cấp điện theo tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt.

- Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: 1000 KWh/người.năm.
- Điện công trình công cộng (tính bằng % phụ tải điện sinh hoạt): 30% phụ tải sinh hoạt.

#### 4.3.3. Cấp nước

- Cấp nước sinh hoạt: Đảm bảo nhu cầu dùng nước cho lượng khách cũng như các nhu cầu khác như tưới cây, rửa đường, cứu hỏa. Tiêu chuẩn cấp nước theo QCVN 01:2021/BXD.

- Nước sạch dùng cho sinh hoạt tối thiểu là 80 lít/người/ngày đêm.
- Nước sạch dùng các công trình công cộng, dịch vụ tối thiểu bằng 10% lượng nước sinh hoạt.
- Nước tưới cây, rửa đường tối thiểu bằng 8% lượng nước sinh hoạt.
- Nước thất thoát, rò rỉ tối đa không vượt quá 15% tổng lượng nước trên.
- Nước phục vụ cho nhà máy nước, trạm cấp nước tối thiểu bằng 4% tổng lượng nước trên.

#### 4.3.4. Cấp nước chữa cháy

- Lưu lượng và số lượng các đám cháy đồng thời cần được tính toán phù hợp với quy mô đô thị theo quy định tại QCVN 06:2020/BXD.

- Tận dụng các kênh, rạch để cấp nước chữa cháy. Có đường cho xe chữa cháy tới lấy nước. Chiều sâu mặt nước so với mặt đất tại vị trí bố trí lấy nước chữa cháy không lớn quá 4 m và chiều dày lớp nước  $\geq 0,5$ m.

4.3.5. Nước thải: Đảm bảo chỉ tiêu phát sinh nước thải  $\geq 80\%$  chỉ tiêu cấp nước của đối tượng tương ứng.

4.3.6. Rác thải: Tính bằng lượng rác thải sinh hoạt 1kg/người ngày.

### 5. Các nội dung chính của quy hoạch

#### 5.1. Quy hoạch sử dụng đất

Tổng diện tích nghiên cứu là 1.318,5 ha; diện tích lập đồ án quy hoạch phân khu: 199,50 ha (gồm các khu vực trống trống diện tích 124,98 ha; giao thông đầu nối vào hệ thống giao thông khu vực diện tích 74,52 ha). Khu vực xây dựng tập trung là các khu vực trống trống có diện tích 124,98 ha, được tổ chức thành các khu chính.

**Bảng quy hoạch các khu chức năng**

TT	Khu chức năng	Diện tích trống trống (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích ô đất XDCT (ha)
	<b>Khu vực trống trống</b>	<b>124,98</b>		
1	Khu đón tiếp du khách	3,20	25%	1,14
2	Khu du lịch sinh thái	93,09	4%	26,04
3	Khu vườn sưu tập động thực vật và vườn được liệu	1,20	3%	1,20

TT	Khu chức năng	Diện tích trắng trồng (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích ô đất XDCT (ha)
4	Khu tái hiện làng rừng và các làng nghề truyền thống	4,08	9%	1,30
5	Khu nghỉ dưỡng	12,28	15%	6,00
6	Khu trồng cây lưu niệm	11,13	7%	1,5
	<b>Kết nối các khu chức năng (giao thông nội bộ và đấu nối vào hệ thống giao thông khu vực)</b>	74,52	37%	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>199,5</b>	<b>100,0</b>	<b>37,18</b>

**Bảng cơ cấu sử dụng đất**

TT	Ký hiệu ô đất	Chức năng	DT trắng trồng (ha)	DT ô đất XDCT (ha)	MĐXD gộp (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
<b>I</b>	<b>Khu vực trắng trồng (I.1+...+ I.6)</b>					
<b>I.1</b>	<b>Khu đón tiếp</b>		<b>5,88</b>	<b>2,21</b>	<b>37,59</b>	<b>2</b>
<b>1</b>	QL-TT	<b>Trung tâm quản lý</b>	<b>4,52</b>	<b>1,91</b>	-	2
1.1	QL-01	Nhà quản lý PK1 - PK2	3,3	1,1	-	2
1.2	QL-02	Nhà quản lý PK3	0,84	0,43	-	2
1.3	-	Giao thông nội khu	0,38	0,38	-	-
<b>2</b>	YT	<b>Y tế</b>	<b>1,36</b>	<b>0,3</b>	-	2
<b>I.2</b>	<b>Khu du lịch sinh thái</b>		<b>36,58</b>	<b>11,82</b>	<b>32,31</b>	<b>2</b>
<b>3</b>	TM-TT	<b>Khu mua sắm - ẩm thực</b>	<b>5,08</b>	<b>2,11</b>	-	2
3.1	TM-01	Trung tâm mua sắm	2,39	1,17	-	2
3.2	TM-02	Trung tâm ẩm thực miệt vườn	2,23	0,48	-	2
3.3	-	Giao thông nội khu	0,46	0,46	-	-
<b>4</b>	GD-TT	<b>Đào tạo, nghiên cứu</b>	<b>4,18</b>	<b>1,1</b>	-	2
4.1	GD-01	Bảo tàng đa dạng sinh học	0,9	0,26	-	2
4.2	GD-02	Khu học tập ngoài trời	3,28	0,8	-	2
4.3	-	Giao thông nội khu	0,04	0,04	-	-
<b>5</b>	CV-TT	<b>Công viên vui chơi giải trí</b>	<b>12,98</b>	<b>4,68</b>	-	2
5.1	CV-01	Quảng trường	0,5	0,21	-	2
5.2	CV-02	Khu cộng đồng	1,28	0,82	-	2
5.3	CV-03	Khu hoạt động mạo hiểm	5,5	0,78	-	2
5.4	CV-04	Khu hoạt động tham quan	4,1	1,27	-	2
5.5	-	Giao thông nội khu	1,6	1,6	-	-
<b>6</b>	TQĐV	<b>Tham quan động vật bò sát</b>	<b>3,52</b>	<b>0,7</b>	-	1
6.1	-	Nhà than quan động vật	3,48	0,66	-	1
6.2	-	Giao thông nội khu	0,04	0,04	-	-
<b>7</b>	CVCD	<b>Công viên chuyên đề rừng chim</b>	<b>4,4</b>	<b>1,15</b>	-	1
7.1	-	Công viên chuyên đề	3,6	0,35	-	1
7.2	-	Giao thông nội khu	0,8	0,8	-	-
<b>8</b>	LS-TT	<b>Tham quan lịch sử</b>	<b>3,61</b>	<b>1,57</b>	-	1
8.1	LS-01	Nhà tưởng niệm liệt sĩ	1,47	0,74	-	1
8.2	LS-02	Bảo tàng trưng bày hiện vật	1,99	0,68	-	1

TT	Ký hiệu ô đất	Chức năng	DT trắng trồng (ha)	DT ô đất XDCT (ha)	MĐXD gộp (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
8.3	-	Giao thông nội khu	0,15	0,15	-	-
<b>9</b>	<b>TS</b>	<b>Nuôi trồng thủy sản</b>	<b>2,81</b>	<b>0,51</b>		1
9.1	-	Nuôi trồng thủy sản	2,73	0,43	-	
9.2	-	Giao thông nội khu	0,08	0,08	-	1
<b>I.3</b>	<b>Khu vườn sưu tập động thực vật và vườn dược liệu</b>		<b>1,03</b>	<b>0,38</b>	<b>36,89</b>	1
<b>10</b>	<b>V-01</b>	<b>Vườn dược liệu</b>	<b>1,03</b>	<b>0,38</b>		1
<b>I.4</b>	<b>Khu tái hiện làng rừng và các làng nghề truyền thống</b>		<b>4,08</b>	<b>1,15</b>	<b>28,19</b>	2
<b>11</b>	<b>LR</b>	<b>Khu làng rừng</b>	<b>0,63</b>	<b>0,32</b>	-	2
11.1	-	Làng rừng	0,41	0,1	-	2
11.2	-	Giao thông nội khu	0,22	0,22	-	-
<b>12</b>	<b>LN</b>	<b>Khu trải nghiệm làng nghề</b>	<b>3,45</b>	<b>0,83</b>	-	2
12.1	-	Làng nghề	3,31	0,69	-	2
12.2	-	Giao thông nội khu	0,14	0,14	-	-
<b>I.5</b>	<b>Khu nghỉ dưỡng</b>		<b>54,52</b>	<b>22,00</b>	<b>40,35</b>	2
<b>13</b>	<b>LT-TEN</b>	<b>Khu lưu trú bản địa</b>	<b>22,07</b>	<b>7,89</b>	-	-
13.1	LT-01	Khu lưu trú	15,14	5,92	-	1
13.2	LT-CC	Khu công cộng	0,5	0,29	-	2
13.3	LT-CX	Khu cây xanh	0,69	-	-	1
13.4	LT-QL	Khu quản lý lưu trú	0,2	0,33	-	1
13.5	LT-TM	Khu đò xuồng - cano - mua sắm	0,34	0,23	-	1
13.6	LT-02	Khu cắm trại ngoài trời	1,29	-	-	1
13.7	LT-VR	Vườn rau	2,79	-	-	1
13.8	-	Giao thông nội khu	1,12	1,12	-	-
<b>14</b>	<b>ND-TEN</b>	<b>Khu lưu trú, nghỉ dưỡng cao cấp</b>	<b>32,45</b>	<b>14,11</b>	-	3
14.1	ND-01	Nghỉ dưỡng 1	2	1,52	-	3
14.2	ND-BX	Bãi xe	0,21	0,1	-	1
14.3	ND-NH	Nhà hàng panorama	1,53	0,21	-	1
14.4	ND-02	Nghỉ dưỡng 2	9,07	5,89	-	2
14.5	ND-03	Nghỉ dưỡng 3	3,28	1,07	-	2
14.6	ND-04	Nghỉ dưỡng 4	3,83	2,49	-	1
14.7	ND-TM	Khu công cộng	0,5	0,21	-	2
14.8	ND-CX1	Vườn hoa	1,28	-	-	1
14.9	ND-QT	Coffe - Quảng trường	1,5	0,96	-	1
14.10	ND-CX2	Vườn organic	2,84	-	-	1
14.11	ND-CV	Công viên giải trí	2,64	0,74	-	1
14.12	ND-CT	Khu cắm trại ngoài trời	2,85	-	-	1
14.13	-	Giao thông nội khu	0,92	0,92	-	-
<b>I.6</b>	<b>Khu trồng cây lưu niệm</b>		<b>10,03</b>	<b>1,72</b>	<b>17,15</b>	1
<b>15</b>	<b>VAT</b>	<b>Vườn cây ăn trái</b>	<b>10,03</b>	<b>1,31</b>	-	1
15.1	VAT-01	Vườn cây ăn trái PK1	1,77	0,29	-	1

TT	Ký hiệu ô đất	Chức năng	DT trắng trống (ha)	DT ô đất XDCT (ha)	MĐXD gộp (%)	Tầng cao tối đa (tầng)
15.2	VAT-02	Vườn cây ăn trái PK2	4,84	0,12	-	1
15.3	VAT-03	Vườn cây ăn trái PK3	2,52	-	-	1
15.4	-	Giao thông nội khu	0,9	0,9		-
<b>Tổng I (I.1 + ..+ I.6)</b>			<b>124,98</b>	<b>37,18</b>	<b>29,75</b>	<b>-</b>
<b>II</b>	<b>Giao thông đấu nối vào hệ thống giao thông khu vực</b>		<b>74,52</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>A (I+II)</b>	<b>Tổng diện tích lập quy hoạch (A=I+II)</b>		<b>199,50</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B</b>	<b>Rừng đặc dụng còn lại</b>		<b>531,76</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C</b>	<b>Kênh rạch</b>		<b>12,34</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1	-	Phân khu 1	1,99	-	-	-
2	-	Phân khu 2	8,56	-	-	-
3	-	Phân khu 3	20,07	-	-	-
<b>Tổng diện tích nghiên cứu (A) + (B) + (C)</b>			<b>743,60</b>	<b>37,18</b>	<b>5,00</b>	<b>-</b>

## 5.2. Quy hoạch không gian, kiến trúc cảnh quan

### 5.2.1. Thành phần các phân khu chức năng

Dự kiến tổ chức thành các phân khu như sau:

a) Phân khu đón tiếp: Thực hiện chức năng đón tiếp, quản lý và phân phối các dịch vụ hậu cần nghỉ dưỡng cũng như quản lý chung, bố trí ở các vị trí có khả năng bao quát và kiểm soát các khu chức năng khác.

b) Phân khu du lịch sinh thái: Có khả năng khai thác thường xuyên và gắn kết với phân khu tái hiện, trong đó có lồng ghép hoạt động tham quan, học tập, thưởng lãm sinh cảnh tại phân khu tái hiện, ngoài ra tổ chức các hoạt động vui chơi giải trí khác để tăng tính tương tác và tối ưu hóa hoạt động khai thác du lịch.

c) Khu vườn sưu tập động, thực vật và vườn dược liệu: Là không gian chuyên đề về sinh học, mang tính chất bảo tồn, nghiên cứu và giáo dục. Tổ chức theo dạng phân tán, gắn với hệ sinh thái tự nhiên, đảm bảo môi trường phát triển cho các loài. Không gian có tính định hướng tham quan, kết hợp giữa cảnh quan và giá trị khoa học.

#### d) Khu tái hiện làng rừng và các làng nghề truyền thống

- Là phân khu quan trọng, một sinh cảnh thu nhỏ của Vườn Quốc gia tái hiện đầy đủ các hoạt động, mô phỏng cơ bản các điểm đặc trưng của Vườn Quốc gia. Có khả năng giới thiệu những đặc điểm cốt lõi của vườn quốc gia đến du khách đầy đủ, không tốn nhiều thời gian và không gian khám phá.

- Phân khu tái hiện được bố trí liên hệ với phân khu quản lý thuận tiện bằng đường đi bộ và các tuyến giao thông ngắn, đảm bảo trong thời gian ngắn, đối tượng tham quan có thể tiếp cận được tất cả hoạt động trong khu vực.

#### đ) Khu nghỉ dưỡng

- Mô hình lưu trú bản địa: Lưu trú kết hợp với tham quan đặc điểm sinh thái của Vườn Quốc gia cũng như trải nghiệm lối sống, văn hóa địa phương. Lồng ghép các hoạt động sinh hoạt, sản xuất bản địa điển hình cho khách tham quan.

- Mô hình lưu trú cao cấp: Gồm có các dịch vụ cao cấp như khách sạn, các khu villa, biệt thự và bungalow phục vụ đa dạng cho nhu cầu nghỉ ngơi qua đêm tại khu vực. Các khu phụ trợ khác bao gồm công viên giải trí, vườn cây trồng tham quan, quảng trường... được bố trí trong khu nghỉ dưỡng nhằm tăng tính thu hút khách du lịch cho khu vực này.

e) Khu trồng cây lưu niệm: Du khách sẽ để lại một kỷ niệm trong một chuyến du lịch xanh tại khu bảo tồn thiên nhiên. Trồng cây xanh bản địa vùng đất ngập nước; khám phá thiên nhiên; khám phá văn hóa xã hội vùng; nghiên cứu, học tập, nghỉ dưỡng, giải trí, chăm sóc sức khỏe, lưu trú, ẩm thực, giải trí.

g) Hệ thống hạ tầng kết nối các phân khu: Hạ tầng bao gồm hệ thống giao thông kết nối (đa phương thức gồm có giao thông thủy, giao thông bộ và đường đi bộ), các hạ tầng đầu mối khác được phân bố theo các phân khu chức năng.

#### 5.2.2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan và sử dụng đất

##### a) Khu đón tiếp du khách

- Vị trí: Phân khu II, phân Khu III.

- Quy mô: Diện tích trống trống khoảng 5,88 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 2,21 ha.

- Tính chất: Là đầu mối đón tiếp khách du lịch và trung tâm hành chính quản lý cho toàn bộ khu du lịch.

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa khoảng 37,59%; tầng cao tối đa 2 tầng; trực chính kết nối với khu quản lý PK1-2 từ đường dọc kênh 600 đến khu đón tiếp - điều hành có chiều dài khoảng 800m lộ giới 10m thuận lợi cho việc tiếp cận vào khu vực.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích theo xu hướng sinh thái, khai thác điều kiện tự nhiên sẵn có, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

Các chức năng chính trong phân khu chức năng quản lý, đón tiếp và dịch vụ bao gồm văn phòng quản lý khu du lịch, điều phối các đoàn tham quan, bộ phận phục vụ, cung cấp dịch vụ chính cho khu tham quan kết hợp với bộ phận bảo vệ tuần tra vườn quốc gia; khu hội nghị, hội thảo; khu trưng bày tiêu bản động, thực vật kết hợp bảo tàng sinh học trong và ngoài trời.

##### b) Khu du lịch sinh thái (thuộc phân khu II, III)

- Vị trí: Phân khu II và III.

- Quy mô: Diện tích trống trống khoảng 36,58 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 11,52 ha.

- Tính chất: Là chức năng chính chủ yếu của khu du lịch, khu vực khai thác các dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch và vui chơi giải trí phục vụ cho khu vực.

- Các chức năng dự kiến: Cung cấp các dịch vụ ăn uống, tham quan bảo tàng, triển lãm, học tập - văn hóa, công viên giải trí, thể dục - thể thao và mua sắm.

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa khoảng 31,49%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích theo xu hướng sinh thái, khai thác điều kiện tự nhiên sẵn có, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

Phân khu II phân bố phong phú và đa dạng các loại hình dịch vụ - vui chơi giải trí bao gồm các tiểu khu: Khu mua sắm và ẩm thực, khu đào tạo - nghiên cứu, khu công viên vui chơi giải trí, khu tham quan động vật bò sát, khu công viên chuyên đề rừng chim.

Phân khu III gồm các tiểu khu: Khu tham quan lịch sử, khu tham quan nuôi trồng thủy sản.

c) Khu vườn sưu tập động, thực vật và vườn dược liệu (thuộc phân khu I)

- Vị trí: Phân khu I.

- Quy mô: Diện tích trồng trồng khoảng 1,03 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 0,38 ha.

- Tính chất: Chức năng chính là du lịch, khu vực khai thác các dịch vụ thương mại dịch vụ du lịch và học tập.

- Các chức năng dự kiến: Cung cấp dịch vụ trồng cây và tham quan học tập.

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa khoảng 36,89%, tầng cao tối đa 1 tầng.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích theo xu hướng sinh thái, khai thác điều kiện tự nhiên sẵn có, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

d) Khu tái hiện và các làng nghề truyền thống (thuộc phân khu II)

- Vị trí: Tập trung ở phân khu II.

- Quy mô: Diện tích trồng trồng khoảng 4,08 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 1,15 ha.

- Tính chất: Khu trình diễn và tái hiện lối sống bản địa.

- Các chức năng dự kiến: Làng rừng và khu trải nghiệm làng nghề.

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa khoảng 28,19%, tầng cao tối đa 2 tầng.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích xây dựng theo lối kiến trúc bản địa, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

đ) Khu nghỉ dưỡng (thuộc phân khu II và III)

- Vị trí: Phân khu II và III.

- Quy mô: Diện tích trồng trồng khoảng 54,52 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 20,20 ha.

- Tính chất: Là một trong những chức năng chính của khu bao gồm có các dịch vụ nghỉ dưỡng, lưu trú có tính chất bản địa và nghỉ dưỡng cao cấp.

- Các chức năng dự kiến: Lưu trú, chèo thuyền khám phá, trải nghiệm đường dạo xuyên rừng, du lịch tín ngưỡng, công viên giải trí...

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa 37,05%, tầng cao tối đa 3 tầng.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích theo xu hướng sinh thái, khai thác điều kiện tự nhiên sẵn có, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

Lưu trú bản địa: Hình thức lưu trú gắn kết với đời sống người dân nông thôn vùng bán đảo Cà Mau xen kẽ với các hoạt động tham gia trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, thu hái sản phẩm từ rừng và thưởng thức đặc sản vùng miền kết hợp lưu trú qua đêm tại khu vực này. Tập trung ở phía đông của phân khu II, có diện tích trồng trồng 22,07 ha, diện tích ô đất xây dựng công trình 7,89 ha. Trong tiểu khu lưu trú bản địa có các chức năng chính gồm khu vực xây dựng không gian lưu trú bản địa, khu vực công cộng phục vụ lưu trú, bến thuyền vỏ lãi và các dịch vụ khép kín liên quan để phục vụ nhu cầu lưu trú và trải nghiệm.

Lưu trú cao cấp: Tập trung tại phân khu III, với hình thức lưu trú cá biệt và tiện nghi với nhu cầu thưởng lãm cảnh quan thiên nhiên với khí hậu trong lành, ngắm bình minh, hoàng hôn và bầu trời, hạn chế tối đa tác động tác động bởi cuộc sống lao động sản xuất của người dân.

Tiểu khu lưu trú cao cấp: Tập trung tại phân khu số III, có diện tích trồng trồng khoảng 32,45 ha, diện tích ô đất xây dựng công trình 14,11 ha được phân chia thành nhiều tiểu khu nhỏ hơn với nhiều chức năng khác nhau, bổ trợ cho nhau.

Tầng cao xây dựng không quá 12m, các công trình chức năng khác tối đa 3 tầng.

e) Khu trồng cây lưu niệm (thuộc phân khu I, II và III)

- Vị trí: Tại các phân khu I, II và III.

- Quy mô: Diện tích trồng trồng khoảng 10,03 ha; diện tích ô đất xây dựng công trình khoảng 1,72 ha.

- Tính chất: Khu trải nghiệm.

- Các chức năng dự kiến: Vườn cây ăn trái và khu trồng cây lưu niệm.

- Định hướng tổ chức không gian: Mật độ xây dựng gộp tối đa khoảng 17,15%, tầng cao tối đa 1 tầng.

- Hình thái kiến trúc: Các công trình khuyến khích xây dựng theo lối kiến trúc bản địa, sử dụng các vật liệu địa phương thân thiện với môi trường. Khi xây dựng cần hạn chế tác động đến điều kiện tự nhiên sinh thái của khu vực.

g) Kết nối các khu chức năng (đường giao thông)

- Sử dụng hệ thống giao thông linh hoạt, kết hợp giữa đi bộ, giao thông bằng xe điện, giao thông thủy và xe đạp.

- Các tuyến đường kết nối được phối hợp bởi các khu vực có cao độ trên mặt nước tĩnh (được gia cố bằng vật liệu địa phương như đất sét, cừ tràm...), đảm bảo an toàn cho lưu thông và không ảnh hưởng đến sinh cảnh của rừng.

- Trên các tuyến giao thông đi bộ xuyên rừng kết nối giữa phân khu II và phân khu III, có thể xây dựng một số cầu bằng gỗ, tre qua các khu vực ngập nước, đảm bảo thuận tiện cho di chuyển.

- Bố trí linh hoạt các điểm tiếp cận trên ĐT.985C và đường giao thông ở phía Đông để tiếp cận phân khu III được thuận lợi hơn.

### **5.3. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật**

#### **5.3.1. Quy hoạch mạng lưới giao thông**

##### **a) Giao thông đối ngoại**

- Vườn Quốc gia U Minh Hạ được xem như là điểm nhấn ở không gian du lịch phía Tây của tỉnh, là một phần của khu dự trữ sinh quyển, là tài nguyên quý báu của tự nhiên, đồng thời là nơi có thể phát triển du lịch sinh thái hấp dẫn của Cà Mau nói riêng và cả nước nói chung.

- Để tham quan Vườn Quốc gia U Minh Hạ, du khách có thể di chuyển theo 02 tuyến đường chính từ phường An Xuyên, gồm: đường ĐT.985C và đường ĐT.984. Trong đó, tuyến ĐT.984 kết nối đến xã Nguyễn Phích và các xã lân cận và liên kết với khu du lịch Sông Trẹm; tuyến ĐT.985C kết nối đến khu du lịch Hòn Đá Bạc.

- Đường giao thông chính vào khu du lịch lộ giới 10m, kết cấu phù hợp, thuận tiện cho việc di chuyển và tham quan của du khách.

##### **b) Giao thông nội bộ**

- Bố trí các trục giao thông chính và giao thông chuyên dùng trong khu vực lập quy hoạch phù hợp cho phương tiện di chuyển chủ yếu là xe điện hoặc xe chuyên dùng, đảm bảo kết nối giữa các khu chức năng. Dọc hai bên tuyến đường có thể bố trí trồng cây ăn quả hoặc cây tre nhằm tạo cảnh quan và cải thiện môi trường sinh thái.

- Bố trí các đoạn tránh xe cách nhau 100m, có chiều dài tối thiểu 8m và chiều rộng tối thiểu 7m, bảo đảm cho xe chữa cháy và các phương tiện khác tránh nhau thuận lợi.

- Giao thông nội bộ gồm các tuyến đường cầu gỗ phục vụ nhu cầu đi lại trong nội khu. Phương tiện di chuyển chủ yếu là xe đạp hoặc đi bộ; đồng thời bố trí các bến, bãi đỗ xe phù hợp với nhu cầu sử dụng.

c) Giao thông đường thủy: Bố trí thêm các bến xuồng tại các tuyến kênh chính phục vụ nhu cầu đưa đón khách tham quan bằng đường thủy; nạo vét, mở rộng các kênh chính đạt cấp VI đường thủy nội địa, lòng kênh từ 10 - 14m.

d) Cầu, cống: Nâng cấp, cải tạo và xây mới các cầu đảm bảo tải trọng và chiều cao tính không  $\geq 3\text{m}$  đảm bảo không ảnh hưởng đến các đường ống dẫn khí; sử dụng cống bằng đường đối với các tuyến kênh, mương nhỏ hoặc cầu cảnh quan.

### 5.3.2. San nền và thoát nước mưa

#### a) Phương án san nền

- Đảm bảo phù hợp với Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 21/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt đề án quản lý độ cao xây dựng khống chế cho các đô thị, khu kinh tế, khu công nghiệp và công trình trên địa bàn tỉnh Cà Mau đồng thời phù hợp với điều kiện thực tế khu vực.

- Do khu vực nghiên cứu quy hoạch nằm khu vực đặc thù, do đó cần thực hiện một số giải pháp san nền như sau: Đối với khu vực có cao độ  $> 1,55\text{m}$ , giữ nguyên cao độ nền hiện hữu, từng bước hoàn thiện mặt phủ; đối với khu vực  $< 1,55\text{m}$ , sử dụng biện pháp tôn nền cục bộ để hạn chế đào đắp, phá vỡ sinh thái tự nhiên, có thể sử dụng biện pháp nhà sàn gỗ, nhà sàn; đối với một số khu vực cần xây dựng công trình kiên cố sẽ thực hiện đắp nền cục bộ tới cao độ mặt đường, hướng dốc từ nền ra đường; đào một số hồ trong khu vực tạo hồ cảnh quan, hồ điều hòa và tận dụng đất đào để đắp nền.

#### b) Phương án thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa xây mới tách riêng nước mưa và nước thải chủ yếu là xây dựng mương nắp đan thu gom nước mưa trên các tuyến giao thông chính sau đó thoát ra kênh, mương hiện hữu.

- Các khu vực khác thoát nước theo địa hình tự nhiên, chảy xuống các khu vực trũng, kênh mương hiện hữu.

- Tính toán thủy văn, thủy lực mạng lưới thoát nước mưa được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn.

### 5.3.3. Hệ thống cấp nước

#### a) Chỉ tiêu kỹ thuật và nhu cầu dùng nước

- Chỉ tiêu cấp nước công trình công cộng, dịch vụ: 2 - 4 lít/m<sup>2</sup> ngđ.

- Chỉ tiêu cấp nước tưới cây: 2 lít/m<sup>2</sup> ngđ.

- Chỉ tiêu cấp nước hạ tầng kỹ thuật - phụ trợ: 2 lít/m<sup>2</sup> ngđ.

- Nước dự phòng, thất thoát: 15% tổng nhu cầu.

#### b) Nguồn cấp nước

- Giai đoạn ngắn hạn: Xây dựng 2 trạm cấp nước ngầm đặt tại phân khu II (quy mô 0,5 ha) và phân khu III (quy mô 0,6 ha), công suất thiết kế 1.200 - 1.300 m<sup>3</sup>/ngđ; xây dựng mạng lưới đường ống cấp nước cho các khu chức năng trong khu vực.

- Giai đoạn dài hạn: Bổ sung nguồn nước từ nhà máy nước U Minh Hạ, công suất 15.000 - 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ.

### c) Mạng lưới cấp nước

- Đầu tư xây dựng mới các tuyến ống phân phối để cấp nước cho các khu chức năng trong khu vực.

- Mạng lưới cấp nước được thiết kế kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt, đảm bảo cấp nước an toàn, liên tục và ổn định.

### d) Hệ thống cấp nước chữa cháy

- Lưu lượng cấp nước chữa cháy theo tiêu chuẩn QCVN 06:2022/BXD,  $q=10l/s$  cho một đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời là 1 đám cháy. Dựa vào hệ thống cấp nước chính bố trí các trụ cứu hỏa trên vỉa hè, khoảng cách giữa 2 trụ cứu hỏa khoảng 150 - 200m.

- Trường hợp có cháy lớn xảy ra, có thể bổ sung nguồn nước mặt từ các sông, rạch trong khu vực quy hoạch.

## 5.3.4. Hệ thống thoát nước thải, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

### a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt bằng 90% lưu lượng nước cấp. Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng với hệ thống thoát nước mưa. Toàn bộ nước thải từ công trình công cộng, dịch vụ, nghỉ dưỡng, sẽ phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại sau đó đưa về trạm xử lý nước thải.

- Đề xuất xây dựng 2 trạm xử lý nước thải đặt tại phân khu II (quy mô 0,6 ha) và phân khu III (quy mô 0,6 ha), công suất thiết kế 600 - 800 m<sup>3</sup>/ngđ.

- Đối với nước thải từ công trình nằm ở rìa khu vực sẽ được xử lý cục bộ tại công trình. sau đó sử dụng xe chuyên dụng để đưa đi xử lý.

- Hệ thống xử lý nước thải áp dụng công nghệ MBR hoặc công nghệ sinh học AAO có tính tự động cao, thuận tiện cho vận hành, chi phí đầu tư hợp lý và đảm bảo yêu cầu về môi trường, mỹ quan.

### b) Xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

- Chỉ tiêu chất thải rắn sinh hoạt: 1,3 kg/người.ngđ. Tổng khối lượng chất thải rắn của khu quy hoạch: 1,17 tấn/ngđ.

- Trên các trục đường giao thông cũng như trong mỗi công trình của dự án đều bố trí các thùng chứa rác công cộng để thu gom triệt để chất thải rắn. Rác thải được thu gom, vận chuyển về khu xử lý chất thải khu vực theo quy định.

- Bên cạnh đó, bố trí các công trình vệ sinh công cộng hoặc nhà vệ sinh lưu động trong khu vực công viên; các công trình này được thiết kế kín đáo, phù hợp với cảnh quan và điều kiện khu vực.

## 5.3.5. Hệ thống cấp điện và chiếu sáng

a) Phụ tải điện: Phụ tải điện khu du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng, giải trí vườn quốc gia U Minh Hạ gồm các thành phần: dân dụng, khách du lịch và công trình dịch vụ, chiếu sáng. Phụ tải dân dụng chỉ tiêu cấp điện 1000 kWh/người/năm. Phụ tải công trình công cộng lấy 30% so với dân dụng.

b) Nguồn cấp điện: Nguồn cấp điện là tuyến trung thế 22kV chạy dọc theo đường tỉnh 985C và các đường nhánh đầu nối vào khu quy hoạch.

#### c) Lưới điện

- Lưới trung thế 22kV và trạm hạ áp: Để đảm bảo an toàn cấp điện cho khu quy hoạch, lưới điện được thiết kế theo dạng mạch vòng vận hành hở cho toàn khu; trong điều kiện bình thường vận hành theo dạng hình tia thông qua bố trí các điểm khóa thường mở. Dự kiến đầu tư xây dựng mới các nhánh rẽ trung thế 22kV. Vị trí đặt trạm được lựa chọn phụ thuộc vào công suất, phân khu quy hoạch và tính chất của đối tượng sử dụng. Trạm biến áp được đặt trong các phân vùng phục vụ trong phạm vi bán kính 300m. Sử dụng loại trạm biến áp trạm ngoài trời (trạm đài sen), trạm hợp bộ (trạm kiosk), trạm trong nhà.

- Lưới hạ thế 0,4kv cung cấp cho các khu chức năng trong khu quy hoạch: Lưới điện hạ thế xây mới, vận hành hở ở tủ dừng, đi ngầm dưới đường cầu gỗ để đảm bảo mỹ quan khu du lịch sinh thái và an toàn mạng lưới.

- Lưới điện chiếu sáng hệ thống giao thông: Các tuyến điện chiếu sáng đường ưu tiên sử dụng điện năng lượng mặt trời. Khoảng cách trung bình 30m dọc theo tuyến đường.

#### 5.3.6. Hệ thống thông tin liên lạc

Từ tổng đài Bru điện tại xã Nguyễn Phích, các tuyến cáp quang đầu nối đến khu quy hoạch thông qua đường tỉnh 985C. Từ đây sẽ đầu nối với bộ truy nhập thuê bao số và cho ra các tuyến cáp đồng hoặc cáp quang đưa tới các tầng hạng mục công trình trong khu vực. Các tuyến cáp này sẽ được đầu nối với các tủ phối cáp, hộp cáp; tùy theo nhu cầu sử dụng mà dùng các loại cáp có dung lượng khác nhau (tương ứng với dung lượng của các tủ cáp, hộp cáp). Quy hoạch hệ thống mạng lưới thông tin liên lạc tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành.

### 5.4. Đề xuất giải pháp bảo vệ môi trường

#### 5.4.1. Các giải pháp phòng ngừa, cải thiện môi trường

- Các khu chức năng dân dụng: Các công trình được bố trí có mật độ xây dựng thấp, hạn chế được các tác nhân gây ô nhiễm do mật độ cư trú cao gây ra. Giữ lại tối đa diện tích cây xanh, mặt nước, là yếu tố quan trọng trong việc bảo vệ và tự làm sạch môi trường. Bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, hệ thống mặt nước; đồng thời kết hợp tôn tạo, xây dựng các công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí phù hợp.

- Hệ thống giao thông: Tổ chức trồng cây xanh bóng mát dọc các trục giao thông trong khu vực xây dựng nhằm giảm thiểu bụi, tiếng ồn do phương tiện lưu thông gây ra.

- Quản lý chất thải rắn: Thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn nhằm giảm tải cho công tác xử lý. Tổ chức thu gom, vận chuyển chất thải ra khỏi khu vực hằng ngày; không bố trí các điểm tập kết rác trong khu chức năng nhằm tránh gây ô nhiễm môi trường và đảm bảo mỹ quan..

#### 5.4.2. Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường

Các công trình trong quá trình hoạt động nước thải, đều được xử lý và xây dựng hệ thống thu gom riêng. Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung để thu

gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra nguồn tiếp nhận. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 03 ngăn sau đó được dẫn vào hố thu gom và xử lý ở quy trình tiếp theo.

#### 5.4.3. Các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục môi trường, nâng cao nhận thức và ý thức bảo vệ môi trường cho cộng đồng.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường, gắn trách nhiệm với quyền lợi của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Hình thành và vận hành mạng lưới giám sát môi trường nhằm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; đồng thời tăng cường kiểm tra, kiểm soát hoạt động khai thác nước dưới đất theo quy định.

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

#### 1. Vườn Quốc gia U Minh Hạ

- Đảm bảo hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000 thống nhất, đồng bộ giữa thuyết minh, bản vẽ, đúng nội dung được cấp thẩm quyền phê duyệt, quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nội dung, thông tin và các số liệu, bản vẽ của hồ sơ đồ án.

- Tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định tại Điều 50 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024.

- Lập hồ sơ quản lý mốc giới thông qua ứng dụng phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng.

- Tiếp tục triển khai các đề án, quy hoạch theo quy định và các dự án đầu tư xây dựng, đồng thời kết hợp với các đơn vị chức năng kêu gọi đầu tư để cụ thể hóa quy hoạch đã được phê duyệt.

#### 2. Sở Xây dựng

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về nội dung Báo cáo thẩm định Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000, bảo đảm đúng quy định pháp luật.

- Lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch phân khu xây dựng Khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí Vườn Quốc gia U Minh Hạ, tỷ lệ 1/2000 đã được thẩm định và phê duyệt theo đúng quy định; định kỳ rà soát tình hình triển khai thực hiện quy hoạch, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện quy hoạch nêu trên đảm bảo đồng bộ và thống nhất theo đúng quy định của pháp luật.

3. Giao Ủy ban nhân dân xã: Đá Bạc, Khánh An, Khánh Lâm có trách nhiệm quản lý quy hoạch tại địa phương, phối hợp với Vườn Quốc gia U Minh Hạ triển khai thực hiện các bước tiếp theo theo quy định.

4. Giao các sở, ban, ngành theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra, phối hợp với Vườn Quốc gia U Minh Hạ, các đơn vị có liên quan trong quá trình

triển khai thực hiện quy hoạch; đảm bảo hiệu quả, đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch liên quan đã được phê duyệt theo đúng quy định pháp luật.

### **Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và du lịch; Tài chính; Xây dựng; Giám đốc Vườn quốc gia U Minh Hạ; Thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã: Đá Bạc, Khánh An, Khánh Lâm và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh (iO);
- Vườn QG U Minh Hạ (5b);
- LĐVP UBND tỉnh;
- Khối NC-TH;
- Phòng NN-XD (Bn 4/4/29)
- Lưu VT, TH212/4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lâm Văn Bi**